

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Hori Shinichiro	Thành viên
Ông Hosono Kyohei	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hương	Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

MẤU B 01-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn				
[(100)=110+120+130+140+150]	100		904,509,305,215	555,339,164,211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50,546,524,075	31,167,992,710
1. Tiền	111	V.01	50,546,524,075	31,167,992,710
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		526,309,667,375	434,543,354,841
1. Phải thu khách hàng	131		492,211,071,137	421,212,879,107
2. Trả trước cho người bán	132		34,098,596,238	13,259,831,134
5. Các khoản phải thu khác	135			70,644,600
IV. Hàng tồn kho	140		309,190,091,118	77,110,792,345
1. Hàng tồn kho	141	V.04	309,190,091,118	77,110,792,345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,463,022,647	12,517,024,315
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,965,838,060	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9,662,178,247	
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	3,620,001
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,835,006,340	12,513,404,314
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		297,915,790,461	203,583,033,065
II. Tài sản cố định	220		290,666,296,227	196,583,033,065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	290,656,462,894	192,130,790,329
- Nguyên giá	222		506,080,421,949	334,423,742,556
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(215,423,959,055)	(142,292,952,227)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	4,452,242,736
- Nguyên giá	225		-	34,448,541,900
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(29,996,299,164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9833333.00	
- Nguyên giá	228		27,000,000	17,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17,166,667)	(17,000,000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7,000,000,000	7,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	7,000,000,000	7,000,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		249,494,234	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	249,494,234	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1,202,425,095,676	758,922,197,276

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		608,635,268,934	383,148,549,799
I. Nợ ngắn hạn	310		581,551,548,934	351,299,349,799
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	363,085,424,217	99,628,175,327
2. Phải trả người bán	312		146,263,788,018	121,842,994,835
3. Người mua trả tiền trước	313		1,186,229,583	2,603,767,411
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	68,692,227,278	77,122,564,844
5. Phải trả người lao động	315		1,492,636,038	1,178,270,332
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	831,243,800	48,923,577,050
II. Nợ dài hạn	330		27,083,720,000	31,849,200,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	27,083,720,000	31,849,200,000
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		593,789,826,742	375,773,647,477
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	593,789,826,742	375,773,647,477
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		354,199,990,000	242,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71,869,546,000	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,623,423,070	1,883,130,821
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		159,096,867,672	131,890,516,656
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300 + 400)	440		1,202,425,095,676	758,922,197,276



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012	Từ ngày 01/07/2011 đến ngày 30/09/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	230,569,816,389	72,356,829,471	335,257,875,151	221,334,627,242
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		230,569,816,389	72,356,829,471	335,257,875,151	221,334,627,242
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	132,928,187,866	46,899,978,700	200,238,537,634	145,190,690,718
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		97,641,628,523	25,456,850,771	135,019,337,517	76,143,936,524
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	51,893,790	37,978,666	825,636,826	158,835,095
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	8,214,373,763	5,941,630,165	23,439,964,006	14,752,254,793
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,214,373,763	5,941,630,165	23,126,484,008	14,752,254,793
8	Chi phí bán hàng	24		1,245,048,488	46,300,953	4,135,512,938	1,016,955,297
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,712,899,358	5,258,502,736	19,765,554,460	16,431,630,511
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		81,521,200,704	14,248,395,583	88,503,942,939	44,101,931,018
11	Thu nhập khác	31		6,301,000	94,198,292	354,965,593	263,778,738
12	Chi phí khác	32		158,178,048	12,699,352	499,891,187	252,922,741
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(151,877,048)	81,498,940	(144,925,594)	10,855,997
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81,369,323,656	14,329,894,523	88,359,017,345	44,112,787,015
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	20,381,875,426	3,586,042,731	22,158,325,031	11,044,836,559
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60	60		60,987,448,230	10,743,851,792	66,200,692,314	33,067,950,456
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Giải trình nguyên nhân biến động kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên:

Do đặc thù về chu kỳ kinh doanh của công ty, các dự án, hợp đồng chủ yếu được bàn giao, nghiệm thu vào hai quý cuối năm. Trong quý 3 năm nay, công ty thực hiện nhiều dự án cung cấp thiết bị y tế với giá trị lớn hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Vì vậy, doanh thu trong quý 3/2012 tăng so với cùng kỳ báo cáo năm 2011. Điều này dẫn tới lợi nhuận sau thuế quý 3/2012 tăng 50,243 tỷ tương đương với 467,6% so với quý III/2011.



Lê Văn Hương
Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt - Quận Hoàng Mai - Hà Nội

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ 01/01/2012 đến 30/9/2012	Lũy kế từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88,359,017,345	44,112,787,015
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	43,134,874,331	38,683,212,098
- Các khoản dự phòng	03	-	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	32,243,239	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(681,510,027)	
- Chi phí lãi vay	06	23,126,484,008	14,614,716,188
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	153,971,108,896	97,410,715,301
- Giảm các khoản phải thu	09	(95,746,472,806)	(25,943,244,422)
- Tăng hàng tồn kho	10	(232,079,298,773)	(49,237,849,956)
- Tăng các khoản phải trả	11	(33,872,943,858)	(4,263,564,903)
- Giảm chi phí trả trước	12	(2,215,332,294)	(1,102,239,429)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23,126,484,008)	(14,544,915,153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21,576,733,216)	(8,310,580,030)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(20,978,205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(254,646,156,059)	(6,012,656,797)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(137,218,137,493)	(57,784,401,681)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(23,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	23,000,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	681,510,027	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(136,536,627,466)	(57,784,401,681)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	151,869,546,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	493,765,279,214	189,418,476,055
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(234,710,955,824)	(116,395,399,080)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(362,554,500)	(794,910,035)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	410,561,314,890	72,228,166,940
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	19,378,531,365	8,431,108,462
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31,167,992,710	2,407,146,924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(253,443,511)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	50,546,524,075	10,584,811,875



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I- THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật (Gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 09 năm 2010. Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 09 năm 2010, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật thành Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật. Theo đó, toàn bộ tài sản, nguồn vốn của Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật được chuyển sang từ Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 322.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên tại ngày 30/09/2012 là: 224 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh:

- Thiết bị y tế

3- Ngành, nghề kinh doanh:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế

- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế

- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế

- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử; và

- Phòng khám đa khoa

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12). Báo cáo tài chính này cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.: Đồng Việt Nam (VND)

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn.

3. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định Kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Phương tiện, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là các máy móc thiết bị y tế và được Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng sáu (06) năm.

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị tài sản cố định vô hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

9. Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hằng năm dựa trên tỷ lệ phần trăm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

10. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

11. Ghi nhận doanh thu, chi phí***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với hoạt động liên kết với các bệnh viện, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào Biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và bệnh viện.

Chi phí

Chi phí hoạt động phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

....

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính: VND)

01- Tiền	Tại ngày 30/09/2012	Tại ngày 01/01/2012
- Tiền mặt	48.713.829.692	18.526.148.255
- Tiền gửi ngân hàng	1.832.694.383	12.641.844.455
Cộng	<u>50.546.524.075</u>	<u>31.167.992.710</u>

02- Các khoản phải thu ngắn hạn

khác

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

a – Phải thu các khách hàng

+ Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	909.227.545	2.040.204.900
+ Bệnh viện Bạch Mai	4.363.532.239	11.196.876.112
+ Bệnh viện chấn thương chỉnh hình TP Hồ Chí Minh	3.211.740.300	1.596.901.600
+ Bệnh viện Việt Tiệp - Hải Phòng	4.865.837.330	1.258.383.407
+ Bệnh viện K Hà Nội	42.538.830.034	459.599.400
+ Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	1.380.202.296	1.256.065.386
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	4.841.406.905	4.207.379.994
+ Công ty CP XNK Y tế Gia Lai	7.204.520.000	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Hạ Long	57.901.450.000	58.901.450.000

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

+ Liên doanh Việt Nga - VietsovPetro	26.716.628.400	84.700.000
+ Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	14.071.163.052	21.122.284.566
+ Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả	6.447.193.000	32.997.000
+ Công ty CP thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	9.580.332.160	4.694.254.160
+ Bệnh viện đa khoa Cửa Đông - Nghệ An	14.049.599.920	13,539,769,920
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	4.443.075.000	-
+ Công ty TNHH Nhật An	6.492.895.000	28.800.000
+ Bộ Công An	5.981.200.000	-
+ Công ty TNHH thiết bị kỹ thuật HB	52.182.813.200	52.413.546.680
+ Sở y tế Long An	29.242.500.000	-
+ Các khách hàng khác	195.786.924.756	248.379.665.982

Cộng

492.211.071.137

421.212.879.107

03.Hàng tồn kho

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

-Hàng đang đi đường

-

14.197.878.996

- Hàng hóa

309.190.091.118

62.912.913.349

- Công cụ, dụng cụ

-

-

Cộng

309.190.091.118

77.110.792.345

Hàng hóa tồn kho tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, vật tư tiêu hao y tế....

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, hàng hóa với giá trị là 237,178,652,045 VNĐ đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội.

04- Tài sản ngắn hạn khác

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

- Tạm ứng

5.654.435.146

10.172.013.365

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Thuế và các khoản phải thu NN	-	3.620.001
- Thuế GTGT được khấu trừ	9.662.178.247	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.965.838.060	-
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.180.571.194	2.341.390.949
Cộng	<u>18.463.022.647</u>	<u>12.517.024.315</u>

05 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

hình:

- NGUYÊN GIÁ	<u>506.080.421.949</u>	<u>334.423.742.556</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	1.025.186.364	819.236.364
+ Máy móc thiết bị	486.631.348.944	317.267.944.573
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	17.535.031.767	15.913.218.130
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	888.854.874	423.343.489
+ Tài sản khác		
- HAO MÒN LŨY KẾ	<u>215.423.959.055</u>	<u>142.444.179.778</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	192.922.974	122.019.965
+ Máy móc thiết bị	204.646.736.318	133.364.587.990
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10.225.781.753	8.511.270.457
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	358.518.010	295.073.815
+ Tài sản khác		
- GIÁ TRỊ CÒN LẠI	<u>290.656.462.894</u>	<u>192.130.790.329</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	832.263.390	717.697.308
+ Máy móc thiết bị	281.984.612.626	183.731.972.244
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	7.309.250.014	7.401.947.673
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	530.336.864	127.945.553
+ Tài sản khác		

Theo hợp đồng liên doanh liên kết đầu tư giữa Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 09 năm 2007, Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật hợp tác với bệnh viện để đầu tư xây dựng tòa nhà khám bệnh chất lượng cao 11 tầng và mua sắm các trang thiết bị y tế dụng cụ phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao. Tổng mức đầu tư của dự án là 320.623.338.000 đồng, trong đó Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật góp 75% tương đương với số tiền là 240.467.503.500 đồng (góp bằng tiền và bằng thiết bị y tế). Đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt (Thuyết minh V.8) và 46.582.473.000 đồng là thiết bị y tế. (31/12/2010: 5.586.672.000 cộng với phần phát sinh trong năm 2011 nữa)

06- Tăng, giảm tài sản cố định thuê

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

tài chính:**- NGUYÊN GIÁ**

=

34.448.541.900

+ Nhà cửa, vật kiến trúc

+ Máy móc thiết bị

-

34.448.541.900

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn

+ Thiết bị dụng cụ quản lý

+ Tài sản khác

- HAO MÒN LŨY KẾ

=

29.996.299.164

+ Nhà cửa, vật kiến trúc

+ Máy móc thiết bị

-

29.996.299.164

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn

+ Thiết bị dụng cụ quản lý

+ Tài sản khác

- GIÁ TRỊ CÒN LẠI

=

4.452.142.736

+ Nhà cửa, vật kiến trúc

+ Máy móc thiết bị

-

4.452.242.736

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn

+ Thiết bị dụng cụ quản lý

+ Tài sản khác

07 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

- NGUYÊN GIÁ

27.000.000

17.000.000

+ Tài sản cố định vô hình

27.000.000

-

- HAO MÒN LŨY KẾ

17.166.667

17.000.000

+ Tài sản cố định vô hình

17.166.667

17.000.000

- GIÁ TRỊ CÒN LẠI

9.833.333

=

+ Tài sản cố định vô hình

9.833.333

-

08- Đầu tư dài hạn khác:

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Liên doanh, liên kết vào bệnh viện đa khoa Phú Thọ	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>

Theo hợp đồng liên doanh liên kết đầu tư giữa Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 09 năm 2007, Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật hợp tác với bệnh viện để đầu tư xây dựng tòa nhà khám bệnh chất lượng cao 11 tầng và mua sắm các trang thiết bị y tế dụng cụ phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao. Tổng mức đầu tư của dự án là 320.623.338.000 đồng, trong đó Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật góp 75% tương đương với số tiền là 240.467.503.500 đồng (góp bằng tiền và bằng thiết bị y tế). Đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt và 46.582.473.000 đồng là thiết bị y tế.

10- Vay và nợ ngắn hạn	Tại ngày 30/09/2012	Tại ngày 01/01/2012
Vay ngắn hạn, trong đó:		
+ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	264.731.275.211	62.368.812.382
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	30.866.795.531	27.715.348.703
+ Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	-	4.392.768.400
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	67.487.353.475	4 788 691 342
Nợ dài hạn đến hạn trả		
+ Công ty Cho thuê TC- NHNTVN	-	362.554.500
Cộng	<u>363.085.424.217</u>	<u>99.628.175.327</u>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng số 021/2012/HĐTD ngày 05 tháng 06 năm 2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quế Võ và Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng này đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2013, Thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 06 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo Quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 3%/năm đối với VND .

Hợp đồng số 034/2012/HĐTD ngày 29/08/2012 với hạn mức cho vay tối đa 300.000.000.000 đồng,

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tử Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

thời hạn duy trì hạn mức cho vay kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng này đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2013, Thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo Quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 3%/năm đối với VND.

Công ty sử dụng 04 xe ô tô, máy móc thiết bị y tế,... và tài sản của bên thứ ba để thế chấp cho khoản vay này theo các hợp đồng thế chấp số 54/2011/HĐTC ngày 19/07/2011, 026/2011/HĐCC ngày 18/04/2011, 61/2011/HĐTC ngày 17/08/2011, 059/2011,077/2011/HĐTC ngày 30/08/2011, 047/2011/HĐCC ngày 27/05/201, 012.01/2011/HĐTC ngày 15/09/2011, 041/2012/HĐTC ngày 05/06/2012.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 3090/HĐTD2-VIB07/12 ngày 09 tháng 07 năm 2012, tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn là 35.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn là 35.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, hạn mức tín dụng mở LC là 35.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn mỗi khế ước không quá 6 tháng, nợ gốc được trả vào cuối kỳ của khoản vay, nợ lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cho vay thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân. Công ty sử dụng máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay này.

Khoản vay ngân hàng TMCP quân đội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 202.12.054.934880.TD ngày 22/08/2012, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 162.12.054.934880.TD ngày 27/06/2012, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 245.12.054.934880.TD ngày 28/09/2012. Công ty sử dụng hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các HĐ thế chấp hàng hóa và quyền đòi nợ số 221.12.054.934880.DB ngày 27/06/2012, 222.12.054.934880.DB ngày 27/06/2012, 223.12.054.934880.DB ngày 27/06/2012, 248.12.054.934880.BD ngày 24/07/2012, 301.12.054.934880.DB ngày 06/09/2012., Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 187.12.054.834880.DB ngày 24/05/2012.

11- Thuế và các khoản phải nộp

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng	0	9.103.976.928
- Thuế xuất, nhập khẩu	331.384	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.630.403.115	67.994.762.251
- Thuế thu nhập cá nhân	61.492.779	23.825.665
Cộng	<u>68.692.227.278</u>	<u>77.122.564.844</u>

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Tại ngày 30/09/2012	Tại ngày 01/01/2012
- Thù lao phải trả HĐQT và BKS	0	522.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa	0	48.400.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	831.243.800	1.577.050
Cộng	<u>831.243.800</u>	<u>48.923.577.050</u>

13- Vay và nợ dài hạn	Tại ngày 30/09/2012	Tại ngày 01/01/2012
a - Vay dài hạn:		
+ Ngân hàng TMCP công thương	26.063.000.000	30.063.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN	1.020.720.000	1.786.200.000
Cộng	<u>27.083.720.000</u>	<u>31.849.200.000</u>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 012/2011/HĐTĐ ngày 11/03/2011, số tiền cho vay bằng VND, thời hạn cho vay 54 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cho vay VND tại thời điểm ký hợp đồng là 21%/năm. Lãi suất tiền vay sẽ được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng toàn bộ giá trị tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2203/HĐTD2-VIB09/10 được ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) ngày 18 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay là 2.214.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: áp dụng tại thời điểm giải ngân điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng + BDDSLTT 3.1%/năm. Phương thức trả nợ: trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần vào ngày 15. Tài sản đảm bảo: 01 xe tô tô con hiệu Lexus.

Hợp đồng tín dụng số 2199.01/HĐTD2VIB09/10 được ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật ngày 13 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay: 848.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi theo dư nợ giảm dần vào ngày 15 hàng tháng.

14- Vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

a- Biến động của vốn chủ sở hữu

Tại ngày 01/01/2012

Vốn chủ sở hữu	<u>375.773.647.477</u>
- Vốn chủ sở hữu	242.000.000.000
- Lãi chưa phân phối	131.890.516.656
- Quỹ đầu tư phát triển	1.883.130.821

Tại ngày 30/09/2012

Vốn chủ sở hữu	<u>593.789.826.742</u>
- Vốn chủ sở hữu	354.199.990.000
- Lãi chưa phân phối	159.096.867.672
- Thặng dư vốn cổ phần	71.869.546.000
- Quỹ đầu tư phát triển	8.623.423.070
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0

b- Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

35.419.999

35.419.999

35.419.999

35.419.999

35.419.999

24.200.000

24.200.000

24.200.000

24.200.000

24.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

c- Các quỹ của doanh nghiệp:

Tại ngày 30/09/2012

Tại ngày 01/01/2012

- Quỹ đầu tư phát triển:

8.623.423.070

d - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý bán hàng, bộ phận quản lý hoạt động liên kết, và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý bán hàng - bán hàng hóa là máy móc, thiết bị y tế.

Bộ phận quản lý liên kết - hoạt động liên kết với các bệnh viện.

Bộ phận quản lý khác - các hoạt động còn lại: khám sức khỏe lưu động,...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (Tại 30/09/2012)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	30/09/2012	30/09/2012	30/09/2012	30/09/2012	30/09/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	844,641,614,045	269,032,226,222	29,154,392,700	-	1,142,828,232,967
Tài sản không phân bổ					59,596,862,709
Tổng tài sản hợp nhất	844,641,614,045	269,032,226,222	29,154,392,700	-	1,202,425,095,676
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	600,149,687,177	6,161,701,919	-	-	606,311,389,096
Nợ phải trả không phân bổ					2,323,879,838
Tổng nợ phải trả hợp nhất	600,149,687,177	6,161,701,919	-	-	608,635,268,934

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	207,620,076,220	18,447,756,196	4,501,983,973	-	230,569,816,389
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	207,620,076,220	18,447,756,196	4,501,983,973	-	230,569,816,389
Khấu hao và chi phí phân bổ	125,981,033,622	13,291,554,069	1,613,548,021	-	140,886,135,712
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	81,639,042,598	5,156,202,127	2,888,435,952	-	89,683,680,677
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	81,639,042,598	5,156,202,127	2,888,435,952	-	89,683,680,677
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	51,893,790
Lãi (lỗ) khác					-151,877,048
Chi phí tài chính					8,214,373,763
Lợi nhuận trước thuế					81,369,323,656
Chi phí thuế TNDN					20,381,875,426
Lợi nhuận trong kỳ					60,987,448,230

	Hoạt động bán thiết bị y tế	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	494,393,688,016	211,645,726,387	9,130,741,249	0	715,170,155,652
Tài sản không phân bổ					43,752,041,624
Tổng tài sản hợp nhất	494,393,688,016	211,645,726,387	9,130,741,249	0	758,922,197,276
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	300,189,985,688	30,587,128,293	2,269,588,437	0	333,046,702,417
Nợ phải trả không phân bổ					50,101,847,382
Tổng nợ phải trả hợp nhất	300,189,985,688	30,587,128,293	2,269,588,437	0	383,148,549,799

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/07/2011 đến 30/9/2011)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011 VND	01/07/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011 VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	54,128,289,296	15,434,808,434	2,793,731,741	-	72,356,829,471
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	54,128,289,296	15,434,808,434	2,793,731,741	-	72,356,829,471
Khấu hao và chi phí phân bổ	37,445,782,183	14,298,680,402	460,319,804	-	52,204,782,389
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	16,682,507,113	1,136,128,032	2,333,411,937	-	20,152,047,082
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16,682,507,113	1,136,128,032	2,333,411,937	-	20,152,047,082
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-		-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-		
Lãi (lỗ) khác					37,978,666
Chi phí tài chính					81,498,940
Lợi nhuận trước thuế					5,941,630,165
Chi phí thuế TNDN					14,329,894,523
Lợi nhuận trong kỳ					3,586,042,731
					10,743,851,792

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Biệt thự số 18 BT5, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

(Đơn vị tính: VND)

01- Tổng doanh thu bán hàng và

Quý III/2012

Quý III/2011

cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng

209.519.072.966

54.128.289.296

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Doanh thu liên kết Thiết bị y tế	18.447.756.196	15.434.808.434
- Doanh thu dịch vụ khác	2.602.987.227	2.793.731.741
Cộng	<u>230.569.816.389</u>	<u>72.356.829.471</u>
02- Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý III/2012	Quý III/2011
03- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	Quý III/2012	Quý III/2011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>230.569.816.389</u>	
04- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý III/2012	Quý III/2011
- Giá vốn bán hàng	118.815.179.200	12.036.506.600
- Giá vốn liên kết Thiết bị y tế	12.654.843.315	13.167.085.371
- Giá vốn dịch vụ khác	1.458.165.351	253.258.800
Cộng	<u>132.928.187.866</u>	<u>25.456.850.771</u>
05- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý III/2012	Quý III/2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.893.790	37.978.666
- Doanh thu tài chính khác		
Cộng	<u>51.893.790</u>	<u>37.978.666</u>
06- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý III/2012	Quý III/2011
- Lãi tiền vay	8.214.373.763	5.473.564.045
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	<u>8.214.373.763</u>	<u>5.941.630.165</u>
07- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý III/2012	Quý III/2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.527.501.704	14.344.170.925
Điều chỉnh cho chi phí chịu thuế	158.178.048	14.276.402
Thu nhập chịu thuế	81.369.323.656	14.329.894.523
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.381.875.426	3.586.042.731

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MAU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.381.875.426	3.586.042.731
08 - Lợi nhuận sau thuế	<u>60.987.448.230</u>	<u>10.743.851.792</u>
09 – Chi phí sản xuất kinh doanh		

	Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012	Từ ngày 01/07/2011 đến ngày 30/09/2011
Chi phí nguyên vật liệu	11.495.000	432.565.132
Chi phí nhân công	4.996.758.936	2.494.124.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	341.703.124	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	738.512.200	389.971.749
Chi phí khác	1.920.478.586	1.988.141.956
Cộng	<u>8.008.947.846</u>	<u>5.304.803.689</u>

VIII- Những thông tin khác

1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán chưa có sự kiện nào quan trọng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2- Thông tin về các bên liên quan:

3- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):

4- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

5- Thông tin về hoạt động liên tục:

6- Những thông tin khác. (3)



Lê Văn Hướng

Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng